

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS - ST
Ngày 30 - 6 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nga;

Ông Kim Niệm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Đình Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2019/TLST - DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như Th, sinh năm 1970; Có mặt

Địa chỉ: Ấp x, xã y, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1959; Có mặt

Địa chỉ: Ấp x, xã y, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Bà Th và bà H là hàng xóm láng giềng nên bà Th nhiều lần cho bà H vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 27/8/2018, bà Th cho bà H vay 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), có làm giấy mượn tiền, bà H có ký tên và điểm chỉ trong giấy mượn tiền. Thời hạn vay đến ngày 27/9/2018, tiền lãi là 1%/tháng nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả tiền lãi, gốc cho bà Th.

Ngày 10/01/2019, bà Th cho bà H vay số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng), có làm giấy mượn tiền, bà H có ký tên và điểm chỉ trong giấy mượn tiền. Thời hạn vay đến ngày 10/6/2019, tiền lãi là 1%/tháng nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả tiền lãi, gốc cho bà Th.

Ngày 20/3/2019, bà Th cho bà H vay số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng), có làm giấy mượn tiền, bà H có ký tên và điểm chỉ trong giấy mượn tiền. Thời hạn vay đến ngày 20/4/2019, tiền lãi là 1%/tháng nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả tiền lãi, gốc cho bà Th.

Ngày 20/5/2019, bà Th cho bà H vay số tiền 9.600.000đ (chín triệu sáu trăm nghìn đồng), có làm giấy mượn tiền, bà H có ký tên và điểm chỉ trong giấy mượn tiền. Thời hạn vay đến ngày 20/6/2019, tiền lãi là 1%/tháng nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả tiền lãi, gốc cho bà Th.

Do bà H không trả tiền cho bà nên bà đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H trả cho bà số tiền là 158.600.000đ (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng). Bà H đề nghị bà cho trả góp hàng tháng nhưng bà không đồng ý và đề nghị bà H phải trả một lần. Tại đơn khởi kiện bà Th bà yêu cầu bà H trả tiền gốc lại cho bà là 158.600.000đ (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 21/6/2019, lãi suất là 1%/tháng. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, bà Th thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà H trả tiền gốc cho bà, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:

Bà và bà Th là hàng xóm của nhau nên bà có hỏi vay tiền của bà Th nhiều lần, bà không nhớ các lần vay tiền vào ngày nào, vay bao nhiêu tiền, bà chỉ nhớ bắt đầu vay tiền của bà Th từ năm 2017 cho đến nay. Khi vay tiền, bà và bà Th có thỏa thuận lãi suất. Bà H có trả được tiền lãi cho bà Th một thời gian, việc trả tiền lãi không lập biên bản, không có chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, sau đó bà H gặp khó khăn nên bà không trả tiền lãi cũng như tiền gốc cho bà Th. Nay bà Th khởi kiện bà số tiền 158.600.000đ (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng) thì bà thừa nhận nợ bà Th số tiền là 158.600.000đ (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng). Các giấy mượn tiền bà Th nộp tại Tòa án thì bà đã được tiếp cận chứng cứ, các chữ ký và dấu vân tay trong các giấy mượn tiền là của bà. Vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bà đã lớn tuổi, chồng bà hiện nay đang bị bệnh nên không có khả năng trả tiền cho bà Th một lần. Bà đề nghị bà Th cho bà trả góp hàng tháng là 2.000.000đ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà H phải trả cho bà số tiền 158.600.000đ (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng), bà không đồng ý cho bà H trả góp hàng tháng.

Bị đơn thừa nhận số tiền còn nợ nguyên đơn là 158.600.000đ (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng). Bị đơn xin trả góp hàng tháng vì không có khả năng trả một lần.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét

xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật. HĐXX thực hiện khai mạc phiên tòa, phần thủ tục, phần tranh tụng đều đảm bảo đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các giấy mượn tiền ngày 27/8/2018, ngày 10/01/2019, ngày 20/3/2019, ngày 20/5/2019, nguyên đơn bà Th yêu cầu bị đơn bà H phải trả cho bà tổng số tiền vay là 158.600.000đ (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Bị đơn bà H thừa nhận số tiền còn nợ bà Th là 158.600.000đ (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng) nên đây là tình tiết không phải chứng minh. Bà H đề nghị được trả góp nhưng bà Th không đồng ý. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy việc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Huỳnh Thị H phải trả tiền đã vay nên đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Mặt khác, bị đơn cư trú tại Ấp x, xã y, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ các giấy mượn tiền đề ngày 27/8/2018, ngày 10/01/2019, ngày 20/3/2019, ngày 20/5/2019 có thỏa thuận thời hạn trả nợ theo từng giấy mượn tiền. Tuy nhiên, bị đơn vi phạm cam kết trả nợ. Ngày 25/7/2019, nguyên đơn bà Th nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Căn cứ các Điều 429, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự là còn thời hiệu khởi kiện vụ án.

[2] Về yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn:

Căn cứ các giấy mượn tiền đề ngày 27/8/2018 nội dung bà H vay của bà Th số tiền 120.000.000đ, ngày 10/01/2019 nội dung bà H vay của bà Th số tiền 15.000.000đ, ngày 20/3/2019 nội dung bà H vay của bà Th số tiền 14.000.000đ, ngày 20/5/2019 nội dung bà H vay của bà Th số tiền 9.600.000đ. Bà Th thừa nhận chữ ký và dấu vân tay trong tất cả các giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp là của bà và thừa nhận tổng số tiền vay là 158.600.000đ (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng). Do đó đây là tình tiết không phải chứng minh. Bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thời hạn được thỏa thuận trong các giấy mượn tiền nên bà Th khởi kiện tại Tòa án yêu cầu buộc bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 158.600.000đ (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng) là có căn cứ để HĐXX chấp nhận. Bị đơn đề nghị được trả góp mỗi tháng là 2.000.000đ nhưng nguyên đơn không đồng ý, xét đây là giai đoạn thi hành án do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về yêu cầu trả tiền lãi: Căn cứ các giấy mượn tiền đề ngày 27/8/2018, ngày 10/01/2019, ngày 20/3/2019, ngày 20/5/2019 và lời khai của các đương sự thừa nhận việc bà Th cho bà H vay tiền có thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi nên HĐXX ghi nhận và không xem xét về lãi suất.

[4] Ý kiến của đại diện VKS đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn bà Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.930.000đ (bảy triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, xét gia đình bà H là hộ cận nghèo, đồng thời bà H thuộc diện người cao tuổi, bà H có đơn đề nghị xem xét miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 185, 186, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 275, Điều 463, khoản 1, Điều 466, khoản 1 Điều 470, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Như Th đối với bị đơn bà Huỳnh Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Huỳnh Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Như Th số tiền 158.600.000đ (một trăm năm mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng), ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu tính lãi suất.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị H được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Như Th số tiền 3.965.000đ (ba triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/00264573 ngày 25/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Chang